

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ MANDALA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ MANDALA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANDALA INVESTMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MANDALA INTRA CO ., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108988427

**3. Ngày thành lập:** 14/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 6, Tòa nhà CTM, Số 299, Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966287556

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...; Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632(Chính) |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. | 4659        |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4620        |
| 4.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4631        |
| 5.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4633        |
| 6.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4634        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4641 |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn văn phòng phẩm; Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi; | 4649 |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651 |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4653 |
| 12. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng; Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.                                     | 4661 |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; Bán buôn bán thành phẩm sắt thép và kim loại màu; (trừ kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                          | 4662 |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.                                           | 4663 |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                             | 4669 |
| 16. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                                                                                                        | 4719 |
| 17. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4721 |
| 18. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4722 |
| 19. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4723 |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4741 |
| 21. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4742 |
| 22. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4751 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4752 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 26. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 28. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 29. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 30. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)                                                                                                   | 4791 |
| 31. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Môi giới thương mại ;<br>- Đại lý thương mại .                                                                        | 4610 |
| 32. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng ; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô                            | 4932 |
| 33. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;                                                                                   | 4933 |
| 34. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm kinh doanh bất động sản )                                                                                                 | 5210 |
| 35. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224 |
| 36. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                              | 5510 |
| 37. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610 |
| 38. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                | 5621 |
| 39. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                            | 5630 |
| 40. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                          | 6619 |
| 41. | In ấn                                                                                                                                                                   | 1811 |
| 42. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                | 1812 |
| 43. | Quảng cáo                                                                                                                                                               | 7310 |
| 44. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                       | 7710 |
| 45. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911 |

|     |                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế                                                                                            | 7912 |
| 47. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                       | 7990 |
| 48. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                          | 8292 |
| 49. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                 | 8230 |
| 50. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh ;<br>- Ủy thác mua bán hàng hóa ./. | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGÔ THỊ THU

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 20/10/1991

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 092060229

Ngày cấp: 30/06/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Phú Lâm, Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Phú Lâm, Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGÔ THỊ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1991

Dân tộc: Tày

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 092060229

Ngày cấp: 30/06/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Nguyên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Phú Lâm, Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Phú Lâm, Xã Kha Sơn, Huyện Phú Bình, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội